FireAnt

CTCP BOT Cầu Thái Hà (UPCOM: BOT)

Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	1,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	7,300
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	1,800
SL cổ phiếu LH	59,246,800
KLGD BQ 20 phiên (CP)	98,520
% sở hữu nước ngoài	0.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	107
P/E	-1.0
EPS	-1,745

	YTD	1T	3T	6T
BOT	-33.3%	0.0%	-18.2%	-33.3%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%

Cơ cấu Tổng tài sản

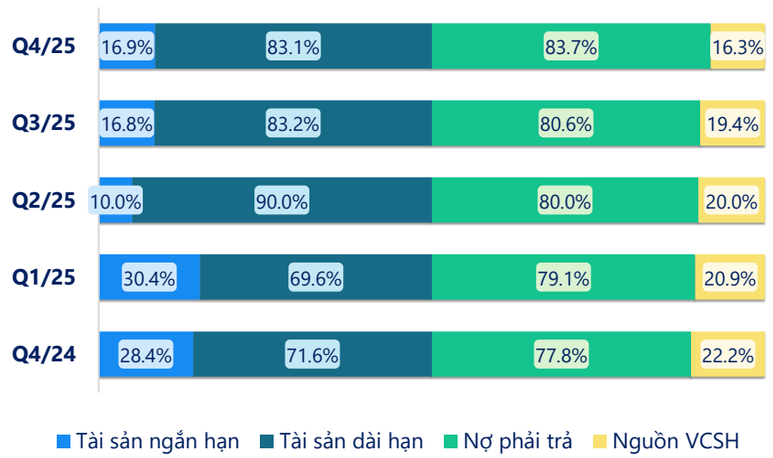

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

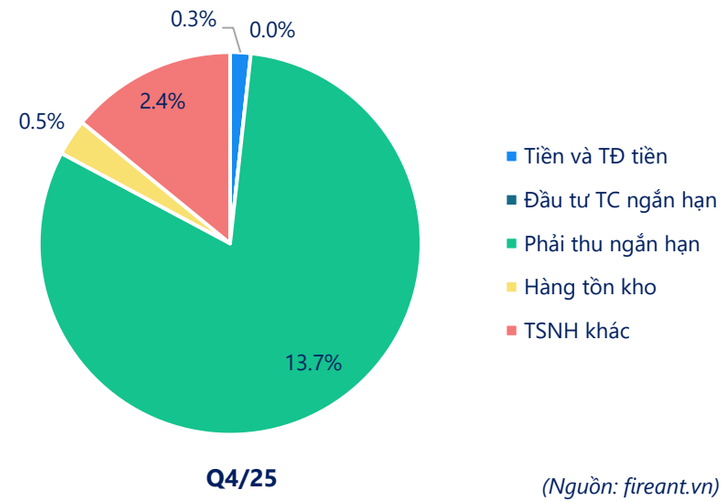

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu

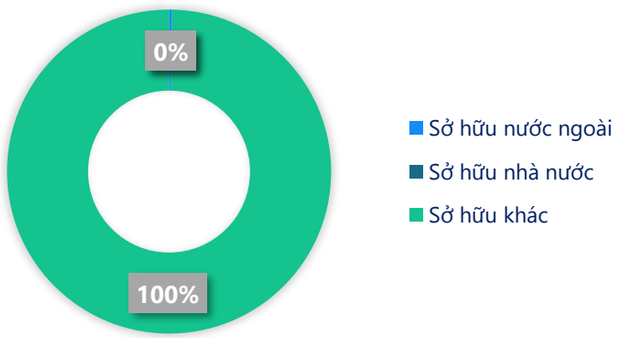

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông

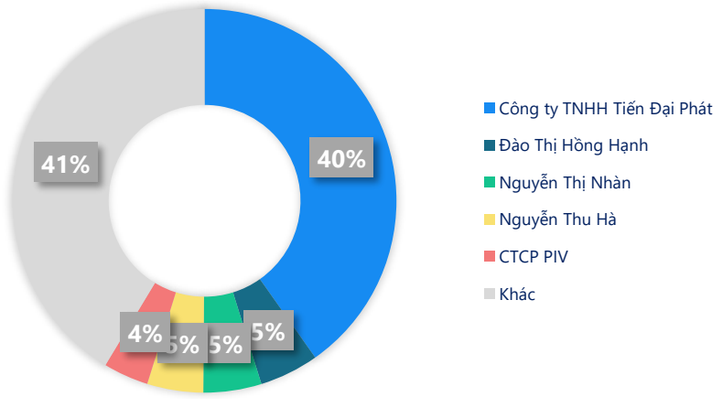

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

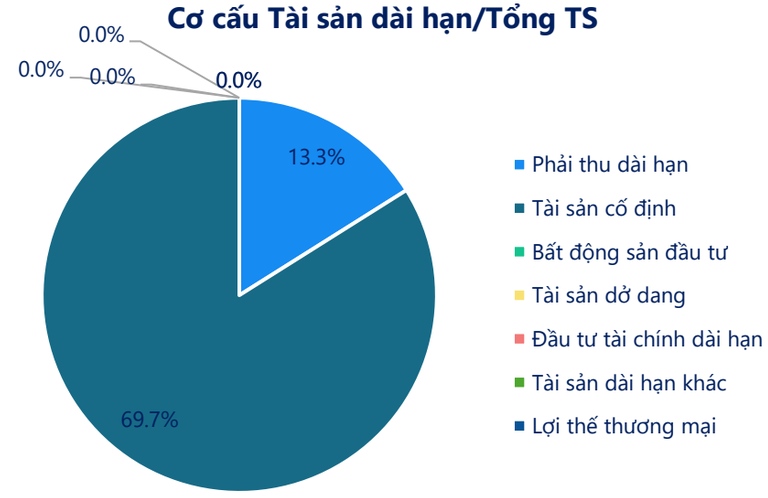

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP BOT Cầu Thái Hà (UPCOM: BOT)

Tiền và tương đương tiền

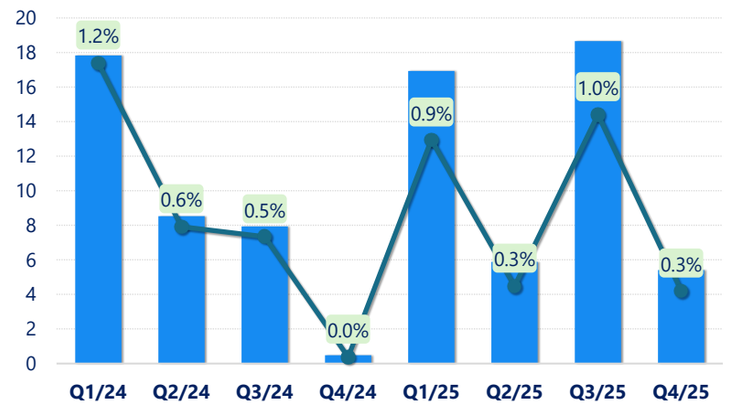

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

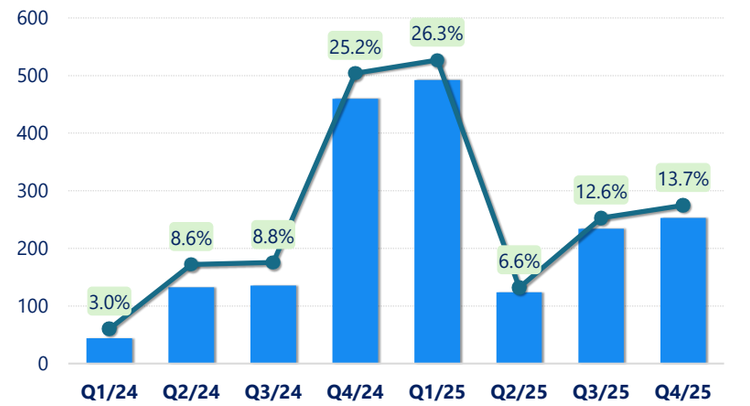

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

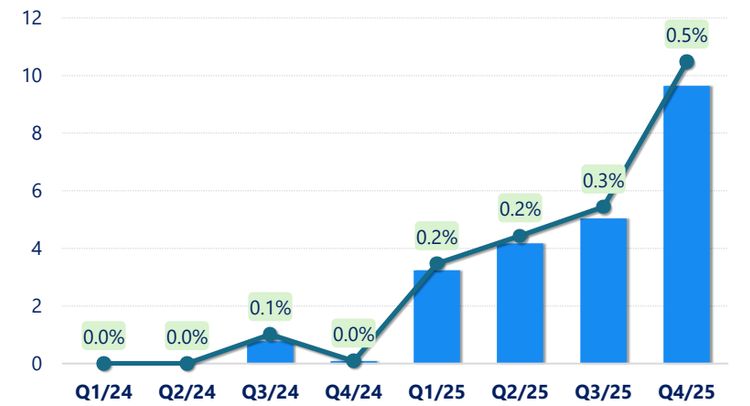

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

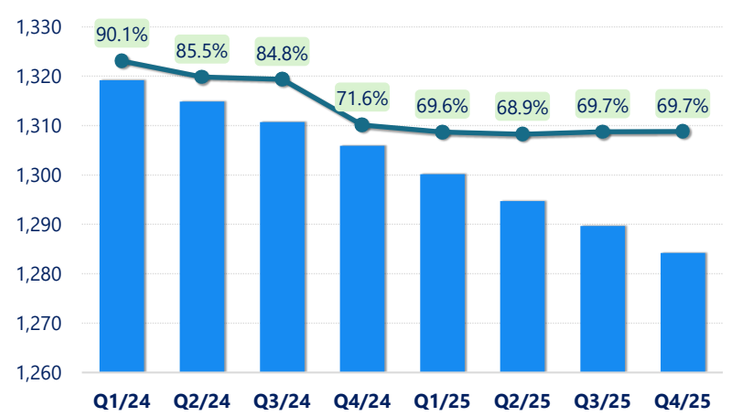

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

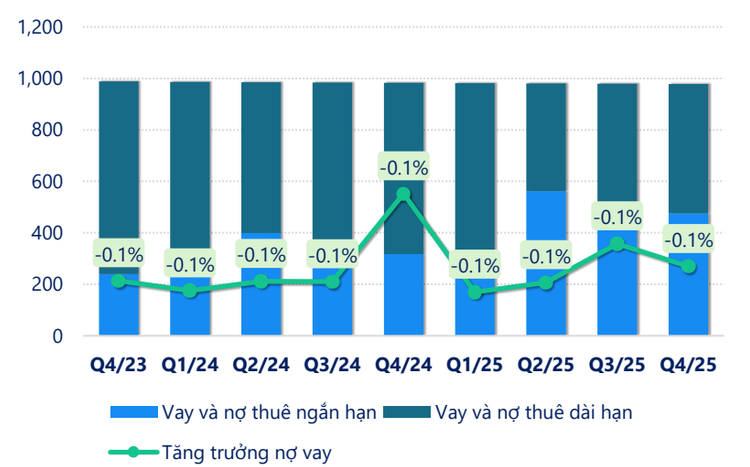

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

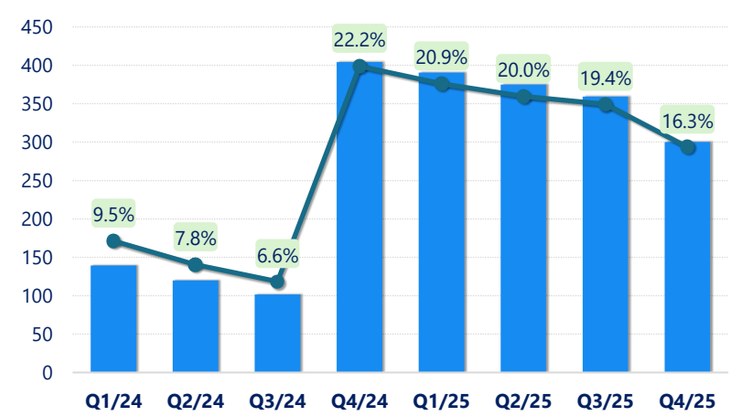

(Nguồn: fireant.vn)

CTCP BOT Cầu Thái Hà (UPCOM: BOT)

Kết quả kinh doanh

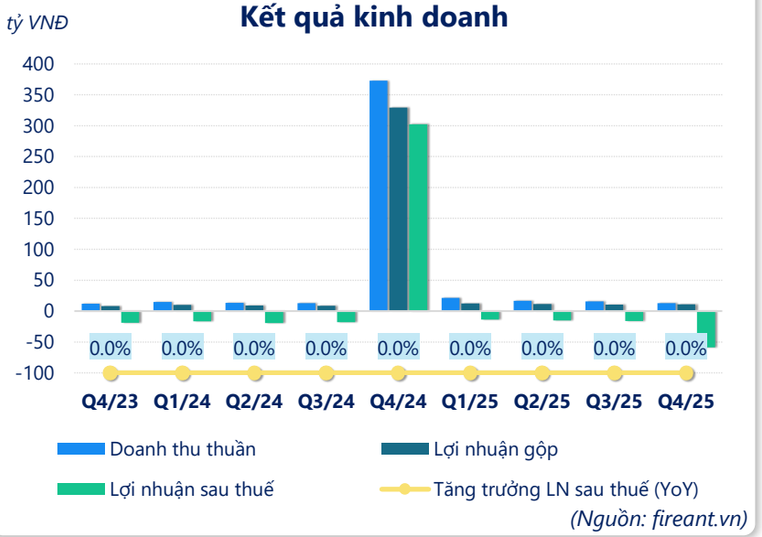

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận

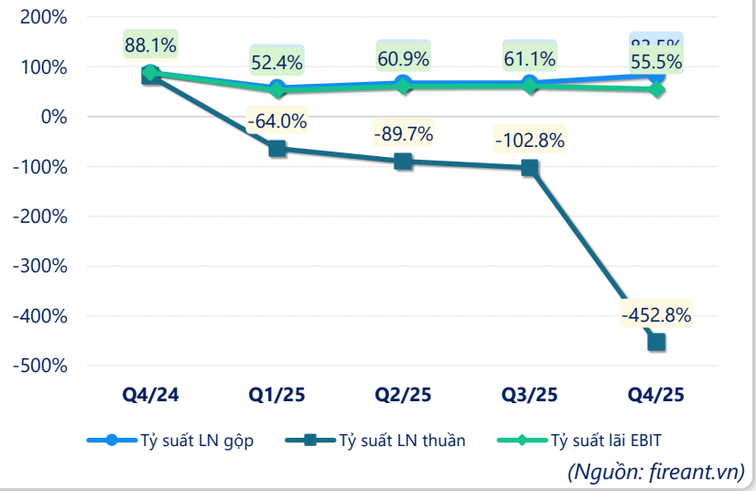

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi

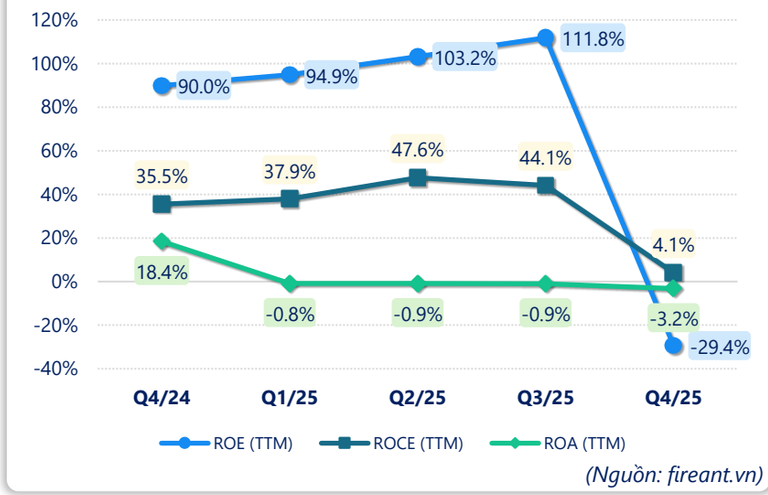

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

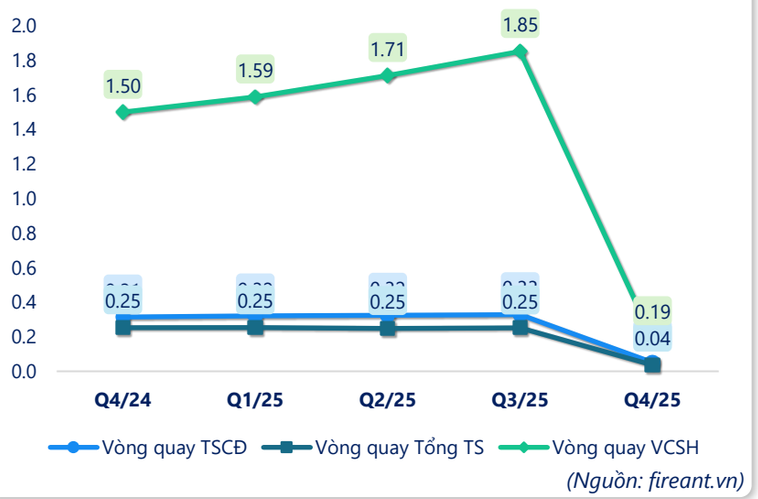

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

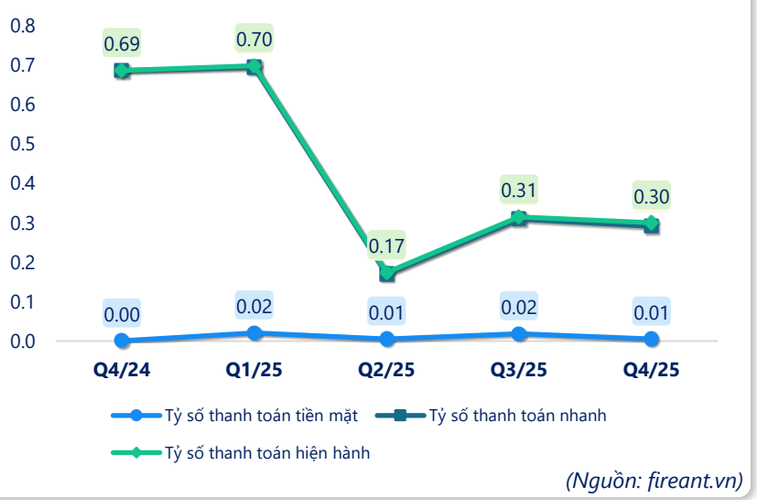

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền

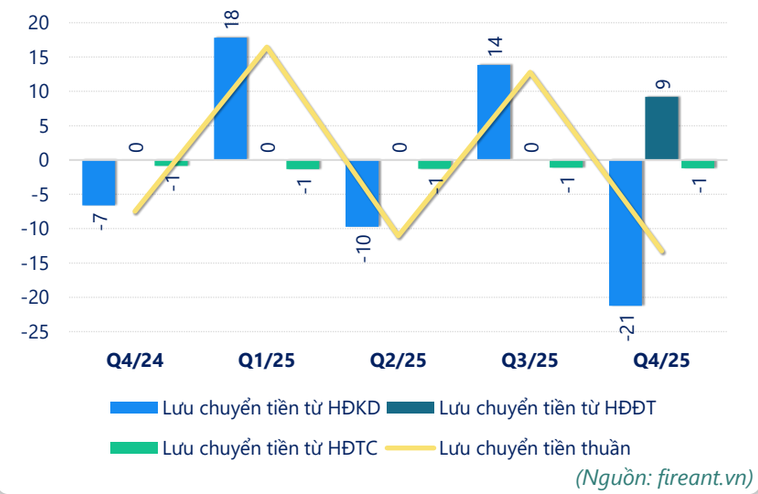

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP BOT Cầu Thái Hà (UPCOM: BOT)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,842**	**1,823**	**1.0%**
Tài sản ngắn hạn	312	192	62.4%
Tiền và tương đương tiền	5.42	0.48	1026%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	9.20	-100%
Phải thu ngắn hạn	253	134	88.5%
Hàng tồn kho	9.64	0.08	11795%
Tài sản ngắn hạn khác	44.0	48.1	-8.6%
Tài sản dài hạn	**1,530**	**1,631**	**-6.2%**
Phải thu dài hạn	246	325	-24.5%
Tài sản cố định	1,284	1,306	-1.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**0.00**	**0.14**	**-98.1%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,542	1,420	8.6%
Nợ ngắn hạn	**1,039**	**917**	**13.3%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	476	481	-1.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	17.8	31.0	-42.7%
Nợ dài hạn	502	502	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	502	502	0.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**300**	**404**	**-25.6%**
Vốn chủ sở hữu	**300**	**404**	**-25.6%**
Vốn điều lệ	592	592	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	373	21.4	16.7	15.5	13.0
Giá vốn hàng bán	43.3	9.02	5.43	5.04	2.14
Lợi nhuận gộp	329	12.4	11.3	10.5	10.8
Doanh thu HĐTC	0.03	0.00	0.21	0.00	0.18
Chi phí TC	26.0	24.9	25.2	25.4	65.9
Chi phí lãi vay	26.0	24.9	25.2	25.4	65.9
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	1.21	1.18	1.32	0.99	3.80
LN thuần từ HĐKD	302	-13.7	-15.0	-15.9	-58.7
Lợi nhuận khác	0.00	0	0	0	0
LN trước thuế	302	-13.7	-15.0	-15.9	-58.7
Lợi nhuận sau thuế	302	-13.7	-15.0	-15.9	-58.7
LNST của CĐ cty mẹ	302	-13.7	-15.0	-15.9	-58.7

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-6.61	17.8	-9.74	13.9	-21.2
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.00	0.00	0.00	0.00	9.20
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.85	-1.35	-1.30	-1.10	-1.22
Tiền đầu kỳ	7.94	0.48	16.9	5.89	18.7
Lưu chuyển tiền thuần	**-7.46**	**16.5**	**-11.0**	**12.8**	**-13.2**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0.48	16.9	5.89	18.7	5.42

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic